

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 16/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 28-02-2019

V/v tranh chấp “Ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Thực;

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Tư;

- Bà Lê Thị Vân.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Minh Đăng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lay.

Ngày 28 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lay xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 582/2018/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2019/QĐXX-ST ngày 18 tháng 01 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh **Lê Văn P**, sinh năm 1973; cư trú tại: Ấp MHB, xã LT, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (Xin vắng mặt)

- *Bị đơn:* Chị **Trần Thị Đ**, sinh năm 1974; cư trú tại: Ấp MHB, xã LT, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**. Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, nguyên đơn, anh Lê Văn P trình bày:*

Giữa anh và chị Trần Thị Đ chung sống với nhau từ năm 1992 nhưng không có đăng ký kết hôn. Anh chị chung sống hạnh phúc đến tháng 3 năm 2018 thì chị Đ có quan hệ bất chính với người đàn ông khác nhỏ tuổi hơn. Khi bị anh phát hiện, thời gian đầu anh cho chị Đ rất nhiều cơ hội để trở về cùng chung sống nhưng chẳng những chị Đ không về mà còn công khai đến nhà người đàn ông đó để ở. Nay cuộc sống giữa anh và chị Đ không còn hạnh phúc, tình cảm cũng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu được ly hôn với chị Đ.

Về con chung: Anh và chị Đ có 02 con chung là Lê Minh H, Lê Minh Đ hiện đã trên 18 tuổi nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh P khai không có.

**. Bị đơn, chị Trần Thị Đ:* Chị Đ dù đã được Tòa án tổng đặt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, thủ tục hòa giải và giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng chị Đ không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vắng mặt không có lý do trong các phiên họp, hòa giải.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh Lê Văn P và chị Trần Thị Đ tranh chấp về ly hôn; chị Đ có địa chỉ cư trú tại ấp Mỹ Hạnh B, xã Long Tiên, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì thẩm quyền giải quyết vụ án là của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy.

[2] Bị đơn, chị Trần Thị Đ không có đơn xin xét xử vắng mặt, đã được Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Anh Lê Văn P có đơn đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt. Căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt anh P, chị Đ.

[3] Đối với yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo anh Lê Văn P thì anh và chị Trần Thị Đ bắt đầu chung sống vợ chồng với nhau từ năm 1993. Cho đến ngày 18-12-2018, giữa anh P và chị Đ chưa đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã ML và xã LT là nơi mà hai bên chung sống trong thời gian qua xác nhận. Do đó, hôn nhân giữa anh Lê Văn P và chị Trần Thị Đ chưa được pháp luật công nhận theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình và điểm c Mục 3 của Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09-6-2000 của Quốc hội.

[4] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Giữa anh Lê Văn P và chị Trần Thị Đ có 02 con chung nhưng đã trưởng thành, anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết, chị Đ không có ý kiến gì về phần này; về tài sản, nợ chung anh P khai không có, chị Đ không có ý kiến. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét các vấn đề này, nếu có phát sinh tranh chấp thì có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

[5] Về án phí: Anh Lê Văn P là nguyên đơn khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm c Mục 3 của Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09-6-2000 của Quốc hội; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Lê Văn P và chị Trần Thị Đ.

2. Về án phí: Anh Lê Văn P phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình nhưng được trừ vào số tiền đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 16256 ngày 20-12-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, nên xem như anh P đã thi hành xong án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Chi cục THADS huyện Cai Lậy;
- UBND xã LT và xã ML, huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Nguyễn Anh Thực